## Ngày soạn:14/10/2024

**TUẦN 07**

**CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**



**TIẾT 1&2**. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ

**Nội dung 2:**

**KHÁM PHÁ KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN**

**(Tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**

-Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:

-Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.

-Đề xuất và thực hiện được biện pháp rèn luyện để phát triển khả năng thích nghi của bản thân.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác

**\* Năng lực riêng:**

- Kĩ năng thuyết trình

**3. Phẩm chất**

- HS chăm chỉ trong việc học chủ đề, trung thực, trách nhiệm, nhân ái

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

-Không gian đủ rộng để tổ chức cuộc thi; tranh ảnh, băng rôn trang trí; ghế ngồi; micro và loa đài; phần thưởng cho thí sinh đạt giải,...

-Thành lập BGK, người dẫn chương trình (MC).

-GV xây dựng thể lệ, các tiêu chí chấm thi thuyết trình và phổ biến thể lệ và các tiêu chí chấm thi thuyết trình đến HS các lớp.

-Giấy Ao, bút dạ, băng dính,...

**2. Đối với học sinh**

-Chuẩn bị nội dung và luyện tập kĩ năng thuyết trình để tham dự thi thuyết trình.

-Sưu tẩm, tìm hiểu câu chuyện, tình huống thực tiễn vê' khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống.

*-SGK và SBT* Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:** Trò chơi “Vận động theo lời bài hát”.

**a. Mục tiêu:**

-HS phản ứng nhanh, linh hoạt các động tác theo những thay đổi của lời bài hát.

-Tạo không khi vui vẻ, thoải mái trong lớp học.

-Tạo hứng thú cho HS tìm hiểu chủ để mới.

**b. Nội dung:**

-HS tham gia trò chơi

**c. Sản phẩm:**

**-**  HS trình bày

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

-GV cử một HS làm quản trò. Quản trò đứng phía trên bảng, vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui. Cả lớp phải vừa hát, vừa làm động tác theo quản trò. Thỉnh thoảng, quản trò lại bất chợt đổi bài hát và thay đổi động tác cơ thể, cả lớp cũng lập tức phải thay đổi theo. Ai không thay đổi được hoặc thay đổi chậm, người đó sẽ bị phạt.

-HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi trò chơi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**

-HS vừa hát, vừa làm các động tác cơ thể theo lời một bài hát vui

**Bước 4: Báo cáo, đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

***-GV kết luận về ý nghĩa của trò chơi:***Cuộc sống luôn có những thay đổi, buộc chúng ta phải chấp nhận sự thay đổi và thay đổi đê thích nghi.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**Hoạt động 2. Đề xuất cách giải quyết tình huống để thích nghi với sự thay đổi**

**a. Mục tiêu**:

HS để xuất được những cách giải quyết để thích nghi với sự thay đổi.

**b. Nội dung**:

-Những cách giải quyết để thích nghi với sự thay đổi.

**c. Sản phẩm**:

- Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận, liệt kê những thay đổi cụ thể mà hiện nay chính các em đang phải đối mặt trong thực tiễn và chưa giải quyết được.  -Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả.  -GV lựa chọn một số thay đổi điển hình nhất trong danh sách HS đã nêu và phân cồng cho mỗi nhóm thảo luận tim cách giải quyết để thích nghi đượcvới sự thay đổi đó.  -Các nhóm thảo luận, đề xuất cách giải quyết.  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả bằng lời hoặc dưới dạng tiểu phẩm/ sơ đồ/,..  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Các nhóm thảo luận, đề xuất cách giải quyết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**  -Đại diện các nhóm trình bày kết quả bằng lời hoặc dưới dạng tiểu phẩm/ sơ đồ/…  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện**  -GV tổng hợp các ý kiến và kết luận về cách giải quyết phù hợp đối với mỗi sự thay đổi trong thực tiễn cuộc sống của HS. | **2.Đề xuất cách giải quyết tình huống để thích nghi với sự thay đổi** |

**Hoạt động 3. Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi**

**a. Mục tiêu**:

-HS tự đánh giá được khả năng thích nghi của bản thân với những thay đổi trong cuộc sống.

-Chia sẻ được với thầy cô, bạn bè về kết quả tự khám phá của bản thân.

**b. Nội dung**:

-Kết quả tự khám phá của bản thân.

**c. Sản phẩm**:

- Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***Nhiệm vụ****:* Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi bằng cách tự đánh giá mức độ biểu hiện.  -GV chuyển giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS đọc các gợi ý ở mục 1, Hoạt động 2 (SGK - trang 14) để thực hiện nhiệm vụ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Biểu hiện của khả năng thích nghi với sự thay đổi | Mức độ biểu hiện  Có Không | | | 1. Chấp nhận sự thay đổi. | x |  | | 2. Dự đoán được những tình huống có thể xảy ra. |  | x | | 3. Chủ động khám phá, học hỏi những điều mới. | x |  | | 4. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ. | x |  |   -HS thực hiện nhiệm vụ và ghi kết quả vào SBT.  -HS chia sẻ kết quả tự đánh giá/ khám phá khả năng thích nghi của bản thân với bạn bè, thầy cô.  -Lắng nghe góp ý của bạn bè, thầy cô và hoàn thiện lại kết quả tự đánh giá của bản thân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện**  -GV nhận xét chung, khen ngợi những HS đã có khả năng thích nghi tốt và động viên những HS khác tiếp tục rèn luyện để nâng cao khả năng thích nghi của bản thân. | **3.Khám phá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi**    - |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**Hoạt động 4**: **Rèn luyện khả năng thích nghi của bản thân**

**a. Mục tiêu**:

HS thực hiện được việc rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**b. Nội dung**:

- Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm**:

- Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà tiếp tục rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống và hướng dẫn HS cách ghi lại kết quả, cảm xúc của bản thân vào SBT,  -HS thực hiện việc rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.  -HS ghi lại kết quả, cảm xúc và những khó khăn mình gặp phải trong quá trinh rèn luyện vào SBT theo hướng dẫn của GV.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện**  - GV nhận xét và chốt kiến thức. | **4. Rèn luyện khả năng thích nghi của bản thân**    - |

# TIẾT 3: SINH HOẠT LỚP

**CHIA SẺ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN KHẢ NĂNG THÍCH NGHI CỦA BẢN THÂN VỚI NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CUỘC SỐNG.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**2. Năng lực:**

***- Năng lực chung:*** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

***- Năng lực riêng:***

+ Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:**

- Kế hoạch tuần mới.

- Nội dung liên quan,…

**2. Đối với HS:**

- Nội dung sơ kết tuần

- Chuẩn bị theo hướng dẫn của GVCN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:**

-Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen tiết SHL.

**b. Nội dung:**

**-** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

**-** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GVCN ổn định lớp và hướng HS vào tiết sinh hoạt lớp.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Sơ kết tuần**

**a. Mục tiêu:**

-Tổng kết được các hoạt động tuần cũ và đưa ra kế hoạch tuần mới.

**b. Nội dung:**

- Tổng kết và đưa ra kế hoạch tuần mới

**c. Sản phẩm:**

- Kết quả làm việc của ban cán sự lớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu ban cán sự lớp tự điều hành lớp , đánh giá và sơ kết tuần, xây dựng kế hoạch tuần mới.

**Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề**

**a. Mục tiêu:**

HS chia sẻ được kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- Kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống.

**c. Sản phẩm:**

- HS chia sẻ

**d. Tổ chức thực hiện:**

-GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm kết quả rèn luyện khả năng thích nghi với sự thay đổi của bản thân trong cuộc sống, cảm xúc của bản thân và những khó khăn khi rèn luyện.

-HS chia sẻ trong nhóm.

-GV mời mỗi nhóm một HS chia sẻ trước lớp.

-GV nhận xét chung và hướng dẫn HS cách thức vượt qua những khó khăn trong quá trinh rèn luyện.

**TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ 2**

Yêu cẩu một số HS chia sẻ những điểu học hỏi được sau khi tham gia các hoạt động.

**GV kết luận** chung: Cuộc sống hiện đại luôn có những thay đổi. Chấp nhận sự thay đổi và có khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại là kĩ năng sống cẩn thiết mà mỗi người cần có để tôn tại và phát triển trong xã hội đầy biến động. Tìm hiểu biểu hiện của khả năng thích nghỉ với những thay đổi trong cuộc sống và cách ứng phó với những thay đổi, đồng thời biết khám phá/ tự đánh giá khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đôi giúp chúng ta có những hiểu biết cân thiết để rèn luyện khả năng thích nghỉ, chủ động đáp ứng và đáp ứng hiệu quả vói những thay đổi trong cuộc sống.

-Nhận xét thái độ tham gia các hoạt động của HS. Tuyên dương, khen ngợi những HS, nhóm HS tích cực tham gia các hoạt động.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

## VI. ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 2:

1.GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau trong nhóm vê' kết quả trải nghiệm Chủ đề 2 theo các tiêu chí đánh giá (SGK - trang 15).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yêu cầu cần đạt | Đánh giá | |
| Đạt | Chưa đạt |
| 1-Nhận diện được những điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xừ của bản thân. |  |  |
| 2.Nêu được các biểu hiện của khà năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống. |  |  |
| 3.Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một so tinh huóng của cuộc sống. |  |  |

***Đạt:***Nếu HS đạt được từ 2 tiêu chí trô lên.

***Chưa đạt:***Nếu HS chỉ đạt nhiều nhất là 1 tiêu chí.

2.HS tiến hành tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng lẫn nhau.

3.GV tổng hợp các kết quả đánh giá từ:

Đánh giá thường xuyên của GV.

Tự đánh giá của HS.

Đánh giá đổng đẳng của nhóm HS.

Đánh giá của cha mẹ HS.

4.GV đưa ra đánh giá cuối cùng về kết quả học tập Chủ đề 2 của HS.

## ****CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM CHỦ ĐỀ 2****

### **1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)**

**Câu 1:** Cách ứng xử đúng khi có người đóng góp ý kiến về điểm yếu của mình là

A. Trở nên tức giận.

B. Lắng nghe để tự thay đổi.

C. Tự ái trước lời góp ý thiện chí.

D. Cho rằng họ là người xấu.

**Câu 2:** Đâu là cách ứng phó khi thay đổi chỗ ở?

A. Xác định trước những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt khi sống ở nơi mới.

B. Chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài.

C. Chủ động học tập, tìm hiểu về bài học.

D. Tích cực giơ tay phát biểu.

**Câu 3:** Đâu là cách ứng xử khi làm một bài Toán khó?

A. Thích nghi với sự thay đổi.

B. Chuyển sang làm bài tập khác.

C. Trao đổi cách làm bài cùng các bạn, học hỏi kinh nghiệm từ những bạn học tốt trong lớp.

D. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.

**Câu 4:** Đâu là biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống?

A. Buồn bã, chán nản trong học tập.

B. Căng thẳng, áp lực trong công việc.

C. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.

D. Cảm xúc thất thường.

**Câu 5:** Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Né tránh giao tiếp.

B. Không biết kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi giao tiếp.

C. Tạo được sự hiểu biết lẫn nhau.

D. Chỉ trích, phê phán người khác.

**Câu 6:** Hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực là

A. Thể hiện sự tôn trọng.

B. Thể hiện sự đồng cảm.

C. Chủ động giao tiếp.

D. Coi thường, hạ thấp người khác.

**Câu 7:** Đâu là biểu hiện của việc lắng nghe tích cực?

A. Phán xét, áp đặt lên suy nghĩ của người khác.

B. Chú ý vào câu chuyện để nắm bắt thông tin.

C. Ngắt lời, chen ngang khi người khác đang nói chuyện.

D. Làm việc riêng khi đang nói chuyện.

**Câu 8:** Thế nào là giao tiếp, ứng xử có văn hóa?

A. Ghen ghét, đố kị với mọi người.

B. Tranh cãi với mọi người.

C. Nói chuyện lớn tiếng với mọi người.

D. Tôn trọng với mọi người.

**Câu 9:** Thế nào là giao tiếp, ứng xử?

A. là hoạt động tương tác giữa người với người nhằm đạt được một mục đích nào đó.

B. là hoạt động tương tác giữa con người với vật nuôi.

C. là cảm xúc của con người trước cảnh vật thiên nhiên.

D. là hành động lăng mạ, xúc phạm giữa người với người.

**Câu 10:** Đâu là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

A. Cắt ngang khi người khác đang nói chuyện.

B. Sử dụng ngôn ngữ không chuẩn mực.

C. Lăng mạ, xúc phạm người vô gia cư.

D. Lịch sự, tế nhị trong giao tiếp, ứng xử.

### **2. THÔNG HIỂU (13 CÂU)**

**Câu 1:** Đâu **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực?

A. Lắng nghe khi người khác đang nói.

B. Thực hiện quy định về giao tiếp, ứng xử nơi công cộng.

C. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

D. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.

**Câu 2:** Đâu **không** phải là hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực?

A. Giúp đỡ cụ già, em nhỏ, phụ nữ có thai, những người có hoàn cảnh khó khăn.

B. Ngắt lời khi người khác đang nói mà không xin lỗi trước.

C. Có những lời nói, hành động, cử chỉ làm tổn thương người khác.

D. Chen lấn, xô đẩy, cười đùa,... gây mất trật tự nơi công cộng.

**Câu 3:** Ý nghĩa của việc giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Sự dè bỉu, xa lánh của mọi người.

B. Vui vẻ, hòa đồng với mọi người.

C. Được mọi người yêu quý, tôn trọng.

D. Sự khó chịu của mọi người.

**Câu 4:** Hành vi **không** nên làm khi tham gia các hoạt động cộng đồng để thể hiện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là?

A. Chủ động giúp đỡ người khác.

B. Đi muộn, về sớm.

C. Không tuân thủ quy định chung.

D. Làm công việc được giao một cách hời hợt.

**Câu 5:** Hành động thể hiện cách giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Phân biệt màu da.

B. Không tôn trọng sở thích của bạn.

C. Chia bè, chia phái.

D. Đoàn kết tham gia văn nghệ của trường, lớp.

**Câu 6:** Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng ngôn ngữ tích cực?

A. Ngôn ngữ cục cằn, thô lỗ.

B. Ngôn ngữ chuẩn mực.

C. Ngữ điệu, âm lượng phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

D. Không cười nói quá to nơi công cộng.

**Câu 7:** Hành vi nào dưới đây **không** phải sử dụng phi ngôn ngữ chưa tích cực?

A. Cử chỉ không phù hợp khi giao tiếp.

B. Biểu cảm gương mặt thái quá.

C. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp, cử chỉ niềm nở.

D. Có những hành động, cử chỉ không chuẩn mực.

**Câu 8:** Cách khắc phục khi nói quá to là

A. Nói to ở nơi công cộng như công viên, bảo tàng.

B. Điều chỉnh âm lượng đủ người nghe phù hợp với không gian giao tiếp.

C. Nói lí nhí ở nơi không gian mở.

D. Nói lớn tiếng với người lớn tuổi.

**Câu 9:** Cách khắc phục gương mặt không biểu cảm khi nói là

A. Nhìn vào gương luyện tập khẩu hình và thể hiện cảm xúc khi nói.

B. Bắt chước thái độ cau có của người khác và thể hiện biểu cảm.

C. Điều chỉnh âm lượng và biểu cảm nóng giận khi giao tiếp.

D. Luôn thể hiện gương mặt tươi cười trong mọi hoàn cảnh.

**Câu 10:** Cách khắc phục khi thiếu kiểm soát trong giao tiếp, ứng xử là

A. Xem hướng dẫn biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc nhưng không thực hiện.

B. Không lắng nghe đóng góp, ý kiến từ người khác.

C. Không khắc phục, sửa sai về hành vi thiếu kiểm soát.

D. Sử dụng một số biện pháp điều chỉnh, cân bằng cảm xúc trong giao tiếp, ứng xử.

**Câu 11:** Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chen lấn, xô đẩy.  B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.  C. Nói chuyện lớn tiếng.  D. Cử chỉ làm tổn thương người khác. |  |

**Câu 12:** Cho biết cách ứng xử, giao tiếp trong bức tranh dưới đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chen lấn, xô đẩy.  B. Xếp hàng ngay ngắn khi lên xe buýt.  C. Nhường ghế cho người già.  D. Cử chỉ làm tổn thương người khác. |  |

**Câu 13:** Đâu **không** phải là hành vi ứng xử, giao tiếp tích cực khi đi bảo tàng?

A. Không chạm vào hiện vật.

B. Đi nhẹ, nói khẽ.

C. Nô đùa, chạy nhảy.

D. Không hút thuốc trong khu trưng bày.

### **3. VẬN DỤNG (5 CÂU)**

**Câu 1:** Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau: *“Do công việc làm ăn của bố mẹ nên gia đình Phong phải chuyển đến sống ở một địa phương khác. Phải rời xa ngôi trường cũ và những người bạn đã từng gắn bó suốt mấy năm học, Phong thấy rất buồn và lo lắng. Tuy vậy, bạn đã chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới, đặc biệt là về những yêu cầu của nhà trường đối với học sinh. Sau khi được phân vào lớp, Phong đã chủ động làm quen với các bạn trong tổ, trong lớp và nhờ các bạn hướng dẫn, giúp đỡ mình trong học tập và các hoạt động. Phong cũng mạnh dạn tham gia vào các hoạt động tập thể của lớp, của trường và xung phong nhận những nhiệm vụ phù hợp với sở thích, khả năng để nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới”.*

A. Phong chủ động tìm hiểu về ngôi trường mới.

B. Phong không làm quen với các bạn mới trong lớp.

C. Phong thấy buồn và lo lắng.

D. Phong chưa hòa đồng, chưa tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp.

**Câu 2:** Chỉ ra biểu hiện thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống của nhân vật trong tình huống sau:*“Gần đây, bố Hiền phải chuyển công tác xa nhà. Việc bố vắng nhà khiến cuộc sống của gia đình Hiền bị xáo trộn. Hiền đã chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà mà vẫn đảm bảo việc học của bản thân”.*

A. Hiền cùng em chơi điện tử, không quan tâm lời mẹ nói.

B. Hiền chủ động sắp xếp thời gian để giúp mẹ chăm sóc em, làm việc nhà.

C. Hiền không giúp đỡ bố mẹ chăm em.

D. Hiền chủ động thời gian để giúp mẹ chăm em nhưng kết quả học tập của bản thân bị giảm sút.

**Câu 3:** Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: *“T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.*

A. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà.

B. T quyết định đi chơi với các bạn vào cuối tuần.

C. Sau khi lắng nghe trò chuyện với chị gái, T đi chơi với các bạn.

D. T không nghe lời bố, tự ý quyết định đi chơi với các bạn.

**Câu 4:** Em hãy nhận xét về hành vi của Hùng trong tình huống sau: *“Hùng đi dạo trên phố và gặp một người nước ngoài có làn da nâu với mái tóc xoăn. Hùng đã đùa cợt và chỉ trọ vị khách đó”.*

A. Hùng thiếu tôn trọng người khác.

B. Hùng hành xử có văn hóa.

C. Hùng tôn trọng với người khác.

D. Hùng hành xử như thế là đúng.

**Cây 5:** Quan sát tình huống sau: *“Trong một cuộc thảo luận, Hoàng và Huy đã tranh cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Hồng nghe thấy thì khuyên mọi người nên hòa giải và lắng nghe nhau còn Hương thì nói rằng cứ để mọi người cãi nhau xem ai là người thắng”.* Em hãy cho biết ai là người có cách ứng xử, giao tiếp tích cực?

A. Huy.

B. Hoàng.

C. Hương.

D. Hồng.

### **4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)**

**Câu 1:** Câu ca dao, tục ngữ nói về cách ứng xử trong văn hóa giao tiếp của người Việt là

A. Một chữ cũng là thầy/Nửa chữ cũng là thầy.

B. Uống nước nhớ nguồn.

C. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn  nói tiếng dịu dàng, dễ nghe.

D. Treo đầu dê, bán thịt chó.

**Câu 2:** Vấn nạn hiện nay của học sinh trên mạng xã hội là

A. Tra cứu thông tin để học bài.

B. Chia sẻ những thông tin bổ ích tới mọi người.

C. Kêu gọi mọi người ứng xử chuẩn mục trên mạng xã hội.

D. Sử dụng ngôn ngữ không đúng chuẩn mực, lăng mạ, xúc phạm người khác.